

Số: /QĐ-BNNMT

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố thủ tục hành chính
lĩnh vực quản lý đê điều và phòng, chống thiên tai
thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính lĩnh vực quản lý đê điều và phòng, chống thiên tai thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (có Phụ lục kèm theo).

Các thủ tục hành chính công bố tại Quyết định này được quy định tại các văn bản sau:

- Luật Đê điều ngày 29 tháng 11 năm 2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều ngày 17 tháng 6 năm 2020.

- Nghị định số 53/2026/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực đê điều và phòng, chống thiên tai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05/02/2026.

- Bãi bỏ nội dung công bố tại Phụ lục I Quyết định số 2302/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố

thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực quản lý đê điều và phòng, chống thiên tai thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Bãi bỏ Quyết định số 1524/QĐ-BNNMT ngày 20/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực Quản lý đê điều và phòng, chống thiên tai thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Cục trưởng Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai, Thủ trưởng các Vụ, Cục, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng Trần Đức Thắng (đề b/c);
- Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở NN&MT các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục Kiểm soát TTHC, Bộ Tư pháp;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường: các Thứ trưởng; các Vụ, Cục; Văn phòng Bộ, Công thông tin điện tử Bộ;
- Liên đoàn thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Lưu: VT, ĐĐ, VPB (KSTTHC).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Hoàng Hiệp

Phụ lục
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC QUẢN LÝ ĐÊ ĐIỀU
VÀ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG
QUẢN LÝ CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BNNMT ngày tháng năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

Phần I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
A THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TRUNG ƯƠNG						
1	1.010093	Đăng ký hoạt động ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai tại Việt Nam	- Nghị định số 50/2020/NĐ-CP ngày 20/4/2020 của Chính phủ - Nghị định số 53/2026/NĐ-CP ngày 05/02/2026 của Chính phủ	Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	TTHC được sửa đổi, bổ sung
2	1.008401	Phê duyệt việc tiếp nhận viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ	- Nghị định số 50/2020/NĐ-CP ngày 20/4/2020 của Chính phủ - Nghị định số 53/2026/NĐ-CP ngày 05/02/2026 của Chính phủ	Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	TTHC được sửa đổi, bổ sung
3	1.008402	Phê duyệt việc tiếp nhận viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ không thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ	- Nghị định số 50/2020/NĐ-CP ngày 20/4/2020 của Chính phủ - Nghị định số 53/2026/NĐ-CP ngày 05/02/2026 của Chính phủ	Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai	Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	TTHC được sửa đổi, bổ sung

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
B THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH						
1	1.008408	Phê duyệt việc tiếp nhận viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh	- Nghị định số 50/2020/NĐ-CP ngày 20/4/2020 của Chính phủ - Nghị định số 53/2026/NĐ-CP ngày 05/02/2026 của Chính phủ	Quản lý đề điều và Phòng, chống thiên tai	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh	TTHC được sửa đổi, bổ sung
2	1.013644	Cấp phép đối với các hoạt động liên quan đến đề điều thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh	Luật Đề điều ngày 29 tháng 11 năm 2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đề điều ngày 17/6/2020	Quản lý đề điều và Phòng, chống thiên tai	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	TTHC giữ nguyên
C THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ						
1	1.010091	Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội	- Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ - Nghị định số 53/2026/NĐ-CP ngày 05/02/2026 của Chính phủ	Quản lý đề điều và Phòng, chống thiên tai	Ủy ban nhân dân cấp xã	TTHC được sửa đổi, bổ sung
2	1.010092	Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội	- Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ - Nghị định số 53/2026/NĐ-CP ngày 05/02/2026 của Chính phủ	Quản lý đề điều và Phòng, chống thiên tai	Ủy ban nhân dân cấp xã	TTHC được sửa đổi, bổ sung

2. Danh mục thủ tục hành chính được thay thế

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
A THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TRUNG ƯƠNG						
1	1.008403	Quyết định chủ trương tiếp nhận viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ	Quyết định chủ trương, điều chỉnh quyết định chủ trương tiếp nhận viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ	Nghị định số 53/2026/NĐ-CP ngày 05/02/2026 của Chính phủ	Quản lý đề điều và Phòng, chống thiên tai	Bộ Nông nghiệp và Môi trường
2	1.008406	Điều chỉnh nội dung Quyết định phê duyệt chủ trương tiếp nhận viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai				
3	1.008404	Phê duyệt Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai không thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương tiếp nhận của Thủ tướng Chính phủ	Phê duyệt Văn kiện, điều chỉnh văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai không thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương tiếp nhận của Thủ tướng Chính phủ	Nghị định số 53/2026/NĐ-CP ngày 05/02/2026 của Chính phủ	Quản lý đề điều và Phòng, chống thiên tai	Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam
4	1.008407	Điều chỉnh Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai không thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương tiếp nhận của Thủ tướng Chính phủ				

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
B	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH					
1	1.008409	Phê duyệt Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai không thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương tiếp nhận của Thủ tướng Chính phủ	Phê duyệt Văn kiện, điều chỉnh Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai không thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương tiếp nhận của Thủ tướng Chính phủ	Nghị định số 53/2026/NĐ-CP ngày 05/02/2026	Quản lý đề điều và Phòng, chống thiên tai	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh
2	1.008410	Điều chỉnh Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai không thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương tiếp nhận của Thủ tướng Chính phủ				

Phần II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC QUẢN LÝ ĐÊ ĐIỀU VÀ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TRUNG ƯƠNG

1. Tên thủ tục hành chính: Đăng ký hoạt động ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai tại Việt Nam.

1.1. Trình tự thực hiện

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế đăng ký hoạt động ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai lập 01 hồ sơ đăng ký đến Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Cơ quan tiếp nhận hồ sơ trả lời ngay tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp, trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đối với trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường điện tử hoặc qua dịch vụ bưu chính; trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ theo quy định thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 2: Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, cơ quan quản lý nhà nước về đê điều và phòng, chống thiên tai thẩm định, trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường thông báo kết quả xử lý hồ sơ đến tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký và các cơ quan liên quan.

1.2. Cách thức thực hiện: gửi trực tiếp hoặc qua môi trường điện tử hoặc qua dịch vụ bưu chính.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Hồ sơ đăng ký bao gồm:

- Đơn đăng ký hoạt động ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai tại Việt Nam theo mẫu Phụ lục I ban hành tại Nghị định số 53/2026/NĐ-CP ngày 05/02/2026 của Chính phủ.

- Danh mục hàng hóa, vật tư, trang thiết bị hỗ trợ và các văn bản khác liên quan (nếu có) theo mẫu Phụ lục II ban hành tại Nghị định 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ;

- Danh sách người tham gia theo mẫu Phụ lục III ban hành tại Nghị định 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ.

b) Số lượng: 01 bộ.

1.4. Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.

1.5. Đối tượng thực hiện TTHC:

- Tổ chức, cá nhân nước ngoài;

- Tổ chức quốc tế.

1.6. Cơ quan giải quyết TTHC: Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai)

1.7. Kết quả thực hiện TTHC: Thông báo kết quả xử lý hồ sơ đến tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký.

1.8. Phí, lệ phí: Không

1.9. Tên mẫu đơn, tờ khai:

- Đơn đăng ký hoạt động ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai tại Việt Nam: theo mẫu Phụ lục I ban hành tại Nghị định số 53/2026/NĐ-CP ngày 05/02/2026 của Chính phủ;

- Danh mục hàng hóa, vật tư, trang thiết bị hỗ trợ và các văn bản khác liên quan (nếu có): theo mẫu Phụ lục II Nghị định 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ;

- Danh sách người tham gia: theo mẫu Phụ lục III Nghị định 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ.

1.10. Điều kiện thực hiện TTHC: Không

1.11. Căn cứ pháp lý của TTHC

Điều 22 Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều.

Điều 11 và khoản 12 Điều 14 Nghị định số 53/2026/NĐ-CP ngày 05/02/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực đê điều và phòng, chống thiên tai.

Phụ lục I

**ĐƠN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG ỨNG PHÓ VÀ KHẮC PHỤC HẬU QUẢ THIÊN TAI
TẠI VIỆT NAM***(Kèm theo Nghị định số 53/2026/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2026 của Chính phủ)***TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ
HOẠT ĐỘNG ỨNG PHÓ KHẮC PHỤC
HẬU QUẢ THIÊN TAI**
Full name of agency/person
_____**ĐƠN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG
ỨNG PHÓ VÀ KHẮC PHỤC HẬU QUẢ THIÊN TAI**
(Registration for the disaster response and recovery activities in Viet Nam)

Kính gửi: Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

To: Ministry of Agriculture and Environment

- Tên tổ chức, cá nhân:

Full name of Agency/person- Phạm vi, lĩnh vực hoạt động (Đối với tổ chức)¹:*Scope of work (Agency)*- Nghề nghiệp hiện tại (Đối với cá nhân)²:*Current Profession (Person)*

- Địa chỉ:

Address

- Số điện thoại/Email:

Telephone/Email

- Mục đích của hoạt động:

Purposes of your activity

- Thời gian dự kiến thực hiện:

Intend time/ Planned time frame

- Các hoạt động cụ thể dự kiến thực hiện:

Planned Activities and Outcomes

¹ Đối với tổ chức: kèm theo Bản sao giấy tờ hợp lệ chứng minh địa vị pháp lý của tổ chức (không áp dụng với trường hợp là các cơ quan đại diện ngoại giao, các cơ quan thuộc chính phủ, liên chính phủ, chính quyền địa phương nước ngoài)

For organizations: include A copy of valid documents proving the organization's legal status (not applicable to diplomatic missions, governmental, intergovernmental agencies, or foreign local authorities)

² Đối với cá nhân: kèm theo Bản sao hộ chiếu còn hiệu lực

(For individuals: include A copy of a valid passport)

- Địa bàn dự kiến hoạt động (ghi rõ tỉnh, thành phố, xã):

Expected Location (specify names of province/city/commune)

(Tên đầy đủ của tổ chức/cá nhân) trong trạng thái hoàn toàn tinh táo, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và tự nguyện thực hiện việc đăng ký này; đồng thời cam kết các nội dung sau:

(Full name of the agency/person), being in a sound state of mind, fully capable of civil acts, and acting voluntarily, hereby makes this registration and undertakes the following commitments:

1. Tự nguyện tham gia các hoạt động ứng phó, cứu trợ và khắc phục hậu quả thiên tai tại Việt Nam.

Voluntarily participate in disaster response, relief, and recovery activities in Viet Nam.

2. Tự chịu trách nhiệm về sức khỏe, an toàn, an ninh cá nhân trong toàn bộ thời gian tham gia các hoạt động ứng phó, cứu trợ và khắc phục hậu quả thiên tai tại Việt Nam. Không yêu cầu bất kỳ cơ quan, tổ chức hay cá nhân nào chịu trách nhiệm trong trường hợp xảy ra rủi ro, tai nạn, hoặc thiệt hại về sức khỏe, tài sản trong quá trình tham gia hoạt động.

Take full responsibility for personal health, safety, security throughout the course of disaster response, relief, and recovery activities in Viet Nam. Shall not hold any organization, authority, or individual liable in case of accidents, risks, or damage to health or property during the participation in such activities.

3. Tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật của Việt Nam, các quy định của địa phương nơi thực hiện hoạt động, cũng như sự hướng dẫn của cơ quan chức năng liên quan.

Comply fully with the laws and regulations of Viet Nam, the rules of the localities where activities are conducted, and all instructions from relevant authorities.

4. Chấp nhận việc cơ quan có thẩm quyền có thể từ chối/trả hồ sơ mà không nêu rõ lý do bị từ chối/trả hồ sơ.

Accept the possibility of being denied or having the registration returned by the Authorized agency without specifying the reason.

5. Đảm bảo các thông tin cung cấp là đúng sự thật.

Ensure all the information provided is correct.

Ngày/Date/.../.../.....(DD/MM/YY)

XÁC NHẬN CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ

Signature

Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN

For Authorized Agency

Phụ lục III

(Kèm theo Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ)

**DANH SÁCH NGƯỜI THAM GIA
Participants**

TT	Danh sách người tham gia Participants	Số Hộ chiếu/CMTND Passport/ID No.
1		
2		
3		

2. Tên thủ tục hành chính: Phê duyệt việc tiếp nhận viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ

2.1. Trình tự thực hiện

Bước 1: Cơ quan chủ quản gửi văn bản kèm theo hồ sơ trình phê duyệt việc tiếp nhận viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ đến Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Bước 2: Trong thời hạn tối đa không quá 03 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, Bộ Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, tổ chức lấy ý kiến các cơ quan liên quan thông qua hình thức họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản hoặc các hình thức lấy ý kiến khác và tổng hợp ý kiến, trình Thủ tướng Chính phủ.

Bước 3: Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt việc tiếp nhận viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ

2.2. Cách thức thực hiện: Không quy định

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Hồ sơ đăng ký bao gồm:

- Tờ trình về việc phê duyệt tiếp nhận viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ (nội dung tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 50/2020/NĐ-CP);

- Văn bản của Bên viện trợ thông báo hoặc thỏa thuận viện trợ, danh mục các khoản viện trợ (có bản dịch tiếng Việt kèm theo);

- Các tài liệu khác liên quan đến khoản viện trợ theo quy định của pháp luật.

b) Số lượng: không quy định

2.4. Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn tối đa không quá 03 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

2.5. Đối tượng thực hiện TTHC:

Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

2.6. Cơ quan giải quyết TTHC: Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai)

2.7. Kết quả thực hiện TTHC:

Quyết định phê duyệt việc tiếp nhận viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ.

2.8. Phí, lệ phí: Không

2.9. Tên mẫu đơn, tờ khai:

Nội dung Tờ trình về việc phê duyệt tiếp nhận viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ theo Phụ lục I của Nghị định số 50/2020/NĐ-CP.

2.10. Điều kiện thực hiện TTHC: Không

2.11. Căn cứ pháp lý của TTHC

Điều 8 Nghị định số 50/2020/NĐ-CP ngày 20/4/2020 của Chính phủ quy định về tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ và khắc phục hậu quả thiên tai.

Điều 55 và Điều 59 của Nghị định số 53/2026/NĐ-CP ngày 05/02/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực đề điều và phòng, chống thiên tai.

Phụ lục I
CÁC NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA TỜ TRÌNH VỀ VIỆC PHÊ DUYỆT
KHOẢN VIỆN TRỢ QUỐC TẾ KHẨN CẤP ĐỂ CỨU TRỢ
(Kèm theo Nghị định số 50/2020/NĐ-CP ngày 20/4/2020 của Chính phủ)

I. TÊN KHOẢN VIỆN TRỢ

II. BÊN VIỆN TRỢ

III. CƠ QUAN CHỦ QUẢN

Tên và địa chỉ liên lạc của cơ quan chủ quản

IV. CHỦ KHOẢN VIỆN TRỢ

Tên và địa chỉ liên lạc của chủ khoản viện trợ

V. BỐI CẢNH VÀ SỰ CẦN THIẾT CỦA VIỆN TRỢ

- Bối cảnh thực hiện viện trợ
- Sự cần thiết của khoản viện trợ

VI. NỘI DUNG KHOẢN VIỆN TRỢ

1. Mục tiêu của khoản viện trợ
2. Tổng giá trị khoản viện trợ (nguyên tệ và quy đổi ra USD)
3. Phương án phân bổ
Nêu chi tiết số lượng phân bổ theo địa chỉ tiếp nhận và giá trị phân bổ
4. Địa điểm tiếp nhận viện trợ
5. Thời gian thực hiện tiếp nhận viện trợ

VII. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC ĐƠN VỊ LIÊN QUAN

Trách nhiệm của các đơn vị liên quan trong việc tổ chức triển khai tiếp nhận viện trợ khẩn cấp (bố trí kinh phí, phương tiện, trang thiết bị,...)

VIII. KINH PHÍ TỔ CHỨC TRIỂN KHAI TIẾP NHẬN VIỆN TRỢ

Nêu cụ thể các nguồn kinh phí, trách nhiệm bố trí kinh phí tiếp nhận viện trợ khẩn cấp cũng như hoạt động kiểm tra, đánh giá.

IX. KẾ HOẠCH KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

3. Tên thủ tục hành chính: Phê duyệt việc tiếp nhận viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ không thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ

3.1. Trình tự thực hiện

- Bước 1: Chủ khoản viện trợ lập hồ sơ tiếp nhận viện trợ quốc tế khẩn cấp đối với các khoản viện trợ không thuộc nội dung liên quan đến an ninh, quốc phòng, tôn giáo; các khoản viện trợ có nội dung nhập khẩu hàng hóa thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ để cứu trợ và trình cơ quan chủ quản.
- Bước 2: Cơ quan chủ quản chủ trì, tổ chức lấy ý kiến của các cơ quan liên quan
- Bước 3: Trong thời hạn tối đa 03 ngày kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Thủ trưởng cơ quan chủ quản xem xét, phê duyệt việc tiếp nhận viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ.

3.2. Cách thức thực hiện: Không quy định

3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Tờ trình về việc phê duyệt tiếp nhận viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ (nội dung tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 50/2020/NĐ-CP);
- Văn bản của Bên viện trợ thông báo hoặc thỏa thuận viện trợ, danh mục các khoản viện trợ (có bản dịch tiếng Việt kèm theo);
- Các tài liệu khác liên quan đến khoản viện trợ theo quy định của pháp luật.

3.4. Thời hạn giải quyết

Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ

3.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Chủ khoản viện trợ

3.6. Cơ quan giải quyết TTHC:

Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

3.7. Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định phê duyệt việc tiếp nhận viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ.

3.8. Phí, lệ phí: Không

3.9. Tên mẫu đơn, tờ khai:

Nội dung Tờ trình về việc phê duyệt tiếp nhận viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ theo Phụ lục I của Nghị định số 50/2020/NĐ-CP.

3.10. Điều kiện thực hiện TTHC: Không

3.11. Căn cứ pháp lý của TTHC

Khoản 3, khoản 4 Điều 8 Nghị định số 50/2020/NĐ-CP ngày 20/4/2020 của Chính phủ quy định về tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ và khắc phục hậu quả thiên tai.

Điều 55 và Điều 59 Nghị định số 53/2026/NĐ-CP ngày 05/02/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực đề điều và phòng, chống thiên tai.

Phụ lục I**CÁC NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA TỜ TRÌNH VỀ VIỆC PHÊ DUYỆT
KHOẢN VIỆN TRỢ QUỐC TẾ KHẨN CẤP ĐỂ CỨU TRỢ**

(Kèm theo Nghị định số 50/2020/NĐ-CP ngày 20/4/2020 của Chính phủ)

I. TÊN KHOẢN VIỆN TRỢ**II. BÊN VIỆN TRỢ****III. CƠ QUAN CHỦ QUẢN**

Tên và địa chỉ liên lạc của cơ quan chủ quản

IV. CHỦ KHOẢN VIỆN TRỢ

Tên và địa chỉ liên lạc của chủ khoản viện trợ

V. BỐI CẢNH VÀ SỰ CẦN THIẾT CỦA VIỆN TRỢ

- Bối cảnh thực hiện viện trợ
- Sự cần thiết của khoản viện trợ

VI. NỘI DUNG KHOẢN VIỆN TRỢ

1. Mục tiêu của khoản viện trợ
 2. Tổng giá trị khoản viện trợ (nguyên tệ và quy đổi ra USD)
 3. Phương án phân bổ
- Nêu chi tiết số lượng phân bổ theo địa chỉ tiếp nhận và giá trị phân bổ
4. Địa điểm tiếp nhận viện trợ
 5. Thời gian thực hiện tiếp nhận viện trợ

VII. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC ĐƠN VỊ LIÊN QUAN

Trách nhiệm của các đơn vị liên quan trong việc tổ chức triển khai tiếp nhận viện trợ khẩn cấp (bố trí kinh phí, phương tiện, trang thiết bị,...)

VIII. KINH PHÍ TỔ CHỨC TRIỂN KHAI TIẾP NHẬN VIỆN TRỢ

Nêu cụ thể các nguồn kinh phí, trách nhiệm bố trí kinh phí tiếp nhận viện trợ khẩn cấp cũng như hoạt động kiểm tra, đánh giá.

IX. KẾ HOẠCH KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

4. Tên thủ tục hành chính: Quyết định chủ trương, điều chỉnh quyết định chủ trương tiếp nhận viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ

4.1. Trình tự thực hiện

- Bước 1: Cơ quan chủ quản có văn bản đề nghị phê duyệt chủ trương, điều chỉnh quyết định chủ trương tiếp nhận viện trợ kèm theo Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường để thẩm định;

- Bước 2:

+ Đối với hồ sơ đề nghị phê duyệt chủ trương tiếp nhận viện trợ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của cơ quan chủ quản, Bộ Nông nghiệp và Môi trường gửi văn bản lấy ý kiến các cơ quan có liên quan về những nội dung chính gồm: sự cần thiết, mục tiêu, nguồn vốn viện trợ, điều kiện của Bên viện trợ (nếu có) và khả năng đáp ứng của phía Việt Nam.

Thời hạn để các cơ quan liên quan có văn bản trả lời tối đa không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản.

+ Đối với hồ sơ đề nghị điều chỉnh chủ trương tiếp nhận viện trợ, cơ quan chủ quản có văn bản đề nghị điều chỉnh nội dung của Quyết định chủ trương tiếp nhận viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của cơ quan chủ quản, Bộ Nông nghiệp và Môi trường chủ trì lấy ý kiến các cơ quan có liên quan nếu cần thiết.

Thời hạn để các cơ quan liên quan có văn bản trả lời tối đa không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

- Bước 3: Bộ Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm thẩm định và trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định chủ trương, điều chỉnh quyết định chủ trương tiếp nhận viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai hoặc trả lời cơ quan chủ quản trong thời hạn tối đa không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày hết thời hạn lấy ý kiến các cơ quan liên quan đối với trường hợp dự thảo Văn kiện cần giải trình, chỉnh sửa.

- Bước 4: Trong thời hạn tối đa không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến thẩm định của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, cơ quan chủ quản thực hiện giải trình, tiếp thu, hoàn thiện hồ sơ và gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Bước 5: Trong thời hạn tối đa không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận lại đầy đủ hồ sơ, Bộ Nông nghiệp và Môi trường xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ.

- Bước 6: Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương, điều chỉnh quyết định chủ trương tiếp nhận viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai.

4.2. Cách thức thực hiện: Không quy định

4.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Hồ sơ đăng ký bao gồm:

- Văn bản đề nghị phê duyệt chủ trương, điều chỉnh phê duyệt chủ trương tiếp nhận viện trợ khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai;

- Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai theo mẫu quy định tại Phụ lục II Nghị định số 50/2020/NĐ-CP;

b) Số lượng: không quy định

4.4. Thời hạn giải quyết:

a) Đối với hồ sơ đề nghị phê duyệt chủ trương tiếp nhận viện trợ:

- Trường hợp không cần giải trình, chỉnh sửa hồ sơ: 13 ngày làm việc;

- Trường hợp cần giải trình, chỉnh sửa hồ sơ: 23 ngày làm việc.

b) Đối với hồ sơ đề nghị phê duyệt điều chỉnh chủ trương tiếp nhận viện trợ trong trường hợp Bộ Nông nghiệp và Môi trường gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan liên quan (nếu cần thiết):

- Trường hợp không cần giải trình, chỉnh sửa hồ sơ: 13 ngày làm việc.

- Trường hợp cần giải trình, chỉnh sửa hồ sơ: 23 ngày làm việc.

c) Đối với hồ sơ đề nghị phê duyệt điều chỉnh chủ trương tiếp nhận viện trợ trong trường hợp Bộ Nông nghiệp và Môi trường không lấy ý kiến của các cơ quan liên quan:

- Trường hợp không cần giải trình, chỉnh sửa hồ sơ: 05 ngày làm việc.

- Trường hợp cần giải trình, chỉnh sửa hồ sơ: 15 ngày làm việc.

4.5. Đối tượng thực hiện TTHC:

a) Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;

b) Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh;

c) Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

4.6. Cơ quan giải quyết TTHC: Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai).

4.7. Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định phê duyệt chủ trương, điều chỉnh phê duyệt chủ trương tiếp nhận viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai của Thủ tướng Chính phủ.

4.8. Phí, lệ phí: Không

4.9. Tên mẫu đơn, tờ khai:

Nội dung dự thảo Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai theo Phụ lục II của Nghị định số 50/2020/NĐ-CP.

4.10. Điều kiện thực hiện TTHC: Không

4.11. Căn cứ pháp lý của TTHC

Nghị định số 50/2020/NĐ-CP ngày 20/4/2020 của Chính phủ quy định về tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ và khắc phục hậu quả thiên tai.

Điều 61 và Điều 69 Nghị định số 53/2026/NĐ-CP ngày 05/02/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực đê điều và phòng, chống thiên tai.

Phụ lục II**MẪU VĂN KIẾN VIỆN TRỢ QUỐC TẾ KHẨN CẤP
ĐỂ KHẮC PHỤC HẬU QUẢ THIÊN TAI**

(Kèm theo Nghị định số 50/2020/NĐ-CP ngày 20/4/2020 của Chính phủ)

I. THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ KHOẢN VIỆN TRỢ

1. Tên khoản viện trợ
2. Bên viện trợ
3. Tên và địa chỉ liên lạc của cơ quan chủ quản và chủ khoản viện trợ
4. Thời gian dự kiến thực hiện viện trợ
5. Địa điểm thực hiện

II. BỐI CẢNH VÀ SỰ CẦN THIẾT

1. Cơ sở pháp lý
2. Bối cảnh và sự cần thiết tiếp nhận viện trợ

III. MỤC TIÊU TIẾP NHẬN VIỆN TRỢ

Nêu rõ mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể của khoản viện trợ

IV. MÔ TẢ NỘI DUNG VIỆN TRỢ

Nêu rõ các nội dung viện trợ, hình thức viện trợ, phương thức tiếp nhận viện trợ, phương án phân bổ viện trợ, cơ chế phối hợp giữa các bên trong tiếp nhận viện trợ,...

V. ĐỐI TƯỢNG THỤ HƯỞNG

Nêu rõ đối tượng thụ hưởng trực tiếp từ khoản viện trợ

VI. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN KIỂM TRA VÀ ĐÁNH GIÁ

1. Kế hoạch chi tiết việc thực hiện khoản viện trợ
2. Kế hoạch kiểm tra việc thực hiện khoản viện trợ
3. Kế hoạch đánh giá kết quả thực hiện viện trợ

VII. TỔNG VỐN VIỆN TRỢ

1. Tổng vốn viện trợ (nguyên tệ và quy đổi ra đô la Mỹ). Trong đó:
 - Vốn viện trợ không hoàn lại (nguyên tệ và quy đổi ra đô la Mỹ)
 - Vốn đối ứng (VNĐ và quy đổi ra đô la Mỹ). Trong đó:
 - + Hiện vật: tương đương:(VNĐ và quy đổi ra đô la Mỹ)
 - + Tiền mặt:(VNĐ và quy đổi ra đô la Mỹ)

VIII. ĐIỀU KIỆN RÀNG BUỘC CỦA BÊN TÀI TRỢ

Các điều kiện ràng buộc của Bên viện trợ (nếu có)

IX. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA KHOẢN VIỆN TRỢ

Hiệu quả kinh tế - tài chính và hiệu quả xã hội; đánh giá tác động môi trường, các rủi ro sau khi kết thúc khoản viện trợ.

5. Tên thủ tục hành chính: Phê duyệt Văn kiện, điều chỉnh Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai không thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương tiếp nhận của Thủ tướng Chính phủ

5.1. Trình tự thực hiện

a) Trường hợp cơ quan chủ quản lấy ý kiến các cơ quan, địa phương có liên quan nếu cần thiết

- Bước 1: Cơ quan chủ quản lấy ý kiến các cơ quan, địa phương có liên quan.

Nội dung lấy ý kiến gồm: Sự phù hợp của khoản viện trợ quốc tế khắc phục hậu quả thiên tai với bối cảnh cụ thể của bộ, ngành, địa phương; sự phù hợp của phương thức tổ chức thực hiện khoản viện trợ quốc tế để khắc phục hậu quả thiên tai; nguồn vốn; cam kết, điều kiện viện trợ của Bên viện trợ và các bên tham gia (nếu có); khả năng đáp ứng các điều kiện, yêu cầu của Bên viện trợ; hiệu quả, tính bền vững sau khi kết thúc khoản viện trợ; hoặc các nội dung thay đổi trong trường hợp cần điều chỉnh Văn kiện.

- Bước 2: Thời hạn để các cơ quan, địa phương có liên quan có văn bản trả lời tối đa không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của cơ quan chủ quản.

- Bước 3: Trên cơ sở ý kiến của các cơ quan, địa phương có liên quan (nếu có), chủ khoản viện trợ hoàn chỉnh Văn kiện và trình Thủ trưởng cơ quan chủ quản xem xét, quyết định phê duyệt Văn kiện, điều chỉnh Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai;.

- Bước 4: Sau khi Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai được phê duyệt hoặc điều chỉnh, cơ quan chủ quản thông báo cho Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Tài chính và các cơ quan, địa phương có liên quan.

- Bước 5: Chủ khoản viện trợ tiếp nhận, quản lý và sử dụng khoản viện trợ theo quy định.

b) Trường hợp cơ quan chủ quản không lấy ý kiến các cơ quan, địa phương có liên quan

- Bước 1: Chủ khoản viện trợ hoàn chỉnh Văn kiện và trình Thủ trưởng cơ quan chủ quản xem xét, quyết định phê duyệt Văn kiện, điều chỉnh Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai.

- Bước 2: Sau khi Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai được phê duyệt hoặc điều chỉnh, cơ quan chủ quản thông báo cho Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Tài chính và các cơ quan, địa phương có liên quan.

- Bước 3: Chủ khoản viện trợ tiếp nhận, quản lý và sử dụng khoản viện trợ theo quy định.

5.2. Cách thức thực hiện: Không quy định

5.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Hồ sơ bao gồm:

- Văn bản trình phê duyệt Văn kiện hoặc điều chỉnh Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp viện trợ quốc tế để khắc phục hậu quả thiên tai của cơ quan chủ quản viện trợ;

- Văn bản của nhà tài trợ thống nhất với nội dung khoản viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai hoặc nội dung cần điều chỉnh (thông báo hoặc thỏa thuận);

- Dự thảo Văn kiện (theo mẫu Phụ lục II của Nghị định số 50/2020/NĐ-CP) hoặc dự thảo điều chỉnh Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai.

b) Số lượng: không quy định

5.4. Thời hạn giải quyết:

a) Trường hợp cơ quan chủ quản lấy ý kiến các cơ quan, địa phương có liên quan: thời gian các cơ quan, địa phương liên quan có văn bản trả lời tối đa không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của cơ quan chủ quản.

b) Trường hợp cơ quan chủ quản lấy ý kiến các cơ quan, địa phương có liên quan: Thủ trưởng cơ quan chủ quản xem xét, quyết định việc phê duyệt Văn kiện, điều chỉnh Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai.

5.5. Đối tượng thực hiện TTHC:

a) Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;

b) Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh;

c) Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

5.6. Cơ quan giải quyết TTHC:

a) Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;

b) Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

5.7. Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định phê duyệt Văn kiện, điều chỉnh Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai.

5.8. Phí, lệ phí: Không

5.9. Tên mẫu đơn, tờ khai:

Nội dung Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai theo Phụ lục II của Nghị định số 50/2020/NĐ-CP.

5.10. Điều kiện thực hiện TTHC: Không

5.11. Căn cứ pháp lý của TTHC

Nghị định số 50/2020/NĐ-CP ngày 20/4/2020 của Chính phủ quy định về tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ và khắc phục hậu quả thiên tai.

Điều 62 và Điều 69 Nghị định số 53/2026/NĐ-CP ngày 05/02/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực đề điều và phòng, chống thiên tai.

Phụ lục II**MẪU VĂN KIẾN VIỆN TRỢ QUỐC TẾ KHẨN CẤP
ĐỂ KHẮC PHỤC HẬU QUẢ THIÊN TAI**

(Kèm theo Nghị định số 50/2020/NĐ-CP ngày 20/4/2020 của Chính phủ)

I. THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ KHOẢN VIỆN TRỢ

1. Tên khoản viện trợ
2. Bên viện trợ
3. Tên và địa chỉ liên lạc của cơ quan chủ quản và chủ khoản viện trợ
4. Thời gian dự kiến thực hiện viện trợ
5. Địa điểm thực hiện

II. BỐI CẢNH VÀ SỰ CẦN THIẾT

1. Cơ sở pháp lý
2. Bối cảnh và sự cần thiết tiếp nhận viện trợ

III. MỤC TIÊU TIẾP NHẬN VIỆN TRỢ

Nêu rõ mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể của khoản viện trợ

IV. MÔ TẢ NỘI DUNG VIỆN TRỢ

Nêu rõ các nội dung viện trợ, hình thức viện trợ, phương thức tiếp nhận viện trợ, phương án phân bổ viện trợ, cơ chế phối hợp giữa các bên trong tiếp nhận viện trợ,...

V. ĐỐI TƯỢNG THỤ HƯỞNG

Nêu rõ đối tượng thụ hưởng trực tiếp từ khoản viện trợ

VI. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN KIỂM TRA VÀ ĐÁNH GIÁ

1. Kế hoạch chi tiết việc thực hiện khoản viện trợ
2. Kế hoạch kiểm tra việc thực hiện khoản viện trợ
3. Kế hoạch đánh giá kết quả thực hiện viện trợ

VII. TỔNG VỐN VIỆN TRỢ

1. Tổng vốn viện trợ (nguyên tệ và quy đổi ra đô la Mỹ). Trong đó:
 - Vốn viện trợ không hoàn lại (nguyên tệ và quy đổi ra đô la Mỹ)
 - Vốn đối ứng (VNĐ và quy đổi ra đô la Mỹ). Trong đó:
 - + Hiện vật: tương đương:(VNĐ và quy đổi ra đô la Mỹ)
 - + Tiền mặt:(VNĐ và quy đổi ra đô la Mỹ)

VIII. ĐIỀU KIỆN RÀNG BUỘC CỦA BÊN TÀI TRỢ

Các điều kiện ràng buộc của Bên viện trợ (nếu có)

IX. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA KHOẢN VIỆN TRỢ

Hiệu quả kinh tế - tài chính và hiệu quả xã hội; đánh giá tác động môi trường, các rủi ro sau khi kết thúc khoản viện trợ.

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

1. Tên thủ tục hành chính: Phê duyệt việc tiếp nhận viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh.

1.1. Trình tự thực hiện

Bước 1: Chủ khoản viện trợ lập hồ sơ tiếp nhận viện trợ quốc tế khẩn cấp đối với các khoản viện trợ không thuộc nội dung liên quan đến an ninh, quốc phòng, tôn giáo; các khoản viện trợ chưa xác định cơ quan chủ quản, các khoản viện trợ có nội dung nhập khẩu hàng hóa thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ để cứu trợ và trình cơ quan chủ quản.

Bước 2: Cơ quan chủ quản của khoản viện trợ chủ trì, tổ chức lấy ý kiến của các cơ quan liên quan

Bước 3: Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Thủ trưởng cơ quan chủ quản của khoản viện trợ xem xét, phê duyệt việc tiếp nhận viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ.

1.2. Cách thức thực hiện: Không quy định

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a. Thành phần hồ sơ

- Tờ trình về việc phê duyệt tiếp nhận viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ (nội dung tại Phụ lục I Nghị định 50/2020/NĐ-CP);

- Văn bản của Bên viện trợ thông báo hoặc thỏa thuận viện trợ, danh mục các khoản viện trợ (có bản dịch tiếng Việt kèm theo);

- Các tài liệu khác liên quan đến khoản viện trợ theo quy định của pháp luật.

b. Số lượng hồ sơ: Không quy định

1.4. Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ

1.5. Đối tượng thực hiện TTHC:

Chủ khoản viện trợ.

1.6. Cơ quan giải quyết TTHC: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh.

1.7. Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định phê duyệt việc tiếp nhận viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ thuộc thẩm quyền của Thủ trưởng cơ quan chủ quản của khoản viện trợ.

1.8. Phí, lệ phí: Không

1.9. Tên mẫu đơn, tờ khai: Tờ trình về việc phê duyệt tiếp nhận viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ theo mẫu Phụ lục I của Nghị định số 50/2020/NĐ-CP.

1.10. Điều kiện thực hiện TTHC: Không

1.11. Căn cứ pháp lý của TTHC

Khoản 3, khoản 4 Điều 8 Nghị định số 50/2020/NĐ-CP ngày 20/4/2020 của Chính phủ quy định về tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ và khắc phục hậu quả thiên tai.

Điều 55 và Điều 59 Nghị định số 53/2026/NĐ-CP ngày 05/02/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực đề điều và phòng, chống thiên tai.

Phụ lục I**CÁC NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA TỜ TRÌNH VỀ VIỆC PHÊ
DUYỆT KHOẢN VIỆN TRỢ QUỐC TẾ KHẨN CẤP ĐỂ CỨU TRỢ**
*(Kèm theo Nghị định số 50/2020/NĐ-CP ngày 20/4/2020 của Chính phủ)***I. TÊN KHOẢN VIỆN TRỢ****II. BÊN VIỆN TRỢ****III. CƠ QUAN CHỦ QUẢN**

Tên và địa chỉ liên lạc của cơ quan chủ quản

IV. CHỦ KHOẢN VIỆN TRỢ

Tên và địa chỉ liên lạc của chủ khoản viện trợ

V. BỐI CẢNH VÀ SỰ CẦN THIẾT CỦA VIỆN TRỢ

- Bối cảnh thực hiện viện trợ
- Sự cần thiết của khoản viện trợ

VI. NỘI DUNG KHOẢN VIỆN TRỢ

1. Mục tiêu của khoản viện trợ
 2. Tổng giá trị khoản viện trợ (nguyên tệ và quy đổi ra USD)
 3. Phương án phân bổ
- Nêu chi tiết số lượng phân bổ theo địa chỉ tiếp nhận và giá trị phân bổ
4. Địa điểm tiếp nhận viện trợ
 5. Thời gian thực hiện tiếp nhận viện trợ

VII. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC ĐƠN VỊ LIÊN QUAN

Trách nhiệm của các đơn vị liên quan trong việc tổ chức triển khai tiếp nhận viện trợ khẩn cấp (bố trí kinh phí, phương tiện, trang thiết bị,...)

VIII. KINH PHÍ TỔ CHỨC TRIỂN KHAI TIẾP NHẬN VIỆN TRỢ

Nêu cụ thể các nguồn kinh phí, trách nhiệm bố trí kinh phí tiếp nhận viện trợ khẩn cấp cũng như hoạt động kiểm tra, đánh giá.

IX. KẾ HOẠCH KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

2. Tên thủ tục hành chính: Phê duyệt Văn kiện, điều chỉnh Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai không thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương tiếp nhận của Thủ tướng Chính phủ

2.1. Trình tự thực hiện

a) Trường hợp cơ quan chủ quản lấy ý kiến các cơ quan có liên quan nếu cần thiết

- Bước 1: Cơ quan chủ quản lấy ý kiến các cơ quan có liên quan.

Nội dung lấy ý kiến gồm: Sự phù hợp của khoản viện trợ quốc tế khắc phục hậu quả thiên tai với bối cảnh cụ thể của địa phương; sự phù hợp của phương thức tổ chức thực hiện khoản viện trợ quốc tế để khắc phục hậu quả thiên tai; nguồn vốn; cam kết, điều kiện viện trợ của Bên viện trợ và các bên tham gia (nếu có); khả năng đáp ứng các điều kiện, yêu cầu của Bên viện trợ; hiệu quả, tính bền vững sau khi kết thúc khoản viện trợ; hoặc các nội dung thay đổi trong trường hợp cần điều chỉnh Văn kiện.

- Bước 2: Thời hạn để các cơ quan có liên quan có văn bản trả lời tối đa không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của cơ quan chủ quản.

- Bước 3: Trên cơ sở ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có), chủ khoản viện trợ hoàn chỉnh Văn kiện và trình Thủ tướng cơ quan chủ quản xem xét, quyết định phê duyệt Văn kiện, điều chỉnh Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai;

- Bước 4: Sau khi Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai được phê duyệt hoặc điều chỉnh, cơ quan chủ quản thông báo cho Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan.

- Bước 5: Chủ khoản viện trợ tiếp nhận, quản lý và sử dụng khoản viện trợ theo quy định.

b) Trường hợp cơ quan chủ quản không lấy ý kiến các cơ quan có liên quan

- Bước 1: Chủ khoản viện trợ hoàn chỉnh Văn kiện và trình Thủ tướng cơ quan chủ quản xem xét, quyết định phê duyệt Văn kiện, điều chỉnh Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai.

- Bước 2: Sau khi Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai được phê duyệt hoặc điều chỉnh, cơ quan chủ quản thông báo cho Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan.

- Bước 3: Chủ khoản viện trợ tiếp nhận, quản lý và sử dụng khoản viện trợ theo quy định.

2.2. Cách thức thực hiện: Không quy định

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Hồ sơ bao gồm:

- Văn bản trình phê duyệt Văn kiện hoặc điều chỉnh Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp viện trợ quốc tế để khắc phục hậu quả thiên tai của cơ quan chủ quản

viện trợ;

- Văn bản của nhà tài trợ thống nhất với nội dung khoản viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai hoặc nội dung cần điều chỉnh (thông báo hoặc thỏa thuận);

- Dự thảo Văn kiện (theo mẫu Phụ lục II của Nghị định số 50/2020/NĐ-CP) hoặc dự thảo điều chỉnh Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai.

b) Số lượng: không quy định

2.4. Thời hạn giải quyết:

a) Trường hợp cơ quan chủ quản lấy ý kiến các cơ quan có liên quan: thời gian các cơ quan liên quan có văn bản trả lời tối đa không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của cơ quan chủ quản.

b) Trường hợp cơ quan chủ quản lấy ý kiến các cơ quan có liên quan: Thủ trưởng cơ quan chủ quản xem xét, quyết định việc phê duyệt Văn kiện, điều chỉnh Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai.

2.5. Đối tượng thực hiện TTHC:

a) Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;

b) Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh;

c) Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

2.6. Cơ quan giải quyết TTHC:

a) Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

b) Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh

2.7. Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định phê duyệt Văn kiện, điều chỉnh Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai.

2.8. Phí, lệ phí: Không

2.9. Tên mẫu đơn, tờ khai:

Nội dung Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai theo Phụ lục II của Nghị định số 50/2020/NĐ-CP.

2.10. Điều kiện thực hiện TTHC: Không

2.11. Căn cứ pháp lý của TTHC

- Nghị định số 50/2020/NĐ-CP ngày 20/4/2020 của Chính phủ quy định về tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ và khắc phục hậu quả thiên tai.

- Điều 62 và Điều 69 Nghị định số 53/2026/NĐ-CP ngày 05/02/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực đê điều và phòng, chống thiên tai.

Phụ lục II**MẪU VĂN KIẾN VIỆN TRỢ QUỐC TẾ KHẨN CẤP
ĐỂ KHẮC PHỤC HẬU QUẢ THIÊN TAI**

(Kèm theo Nghị định số 50/2020/NĐ-CP ngày 20/4/2020 của Chính phủ)

I. THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ KHOẢN VIỆN TRỢ

1. Tên khoản viện trợ
2. Bên viện trợ
3. Tên và địa chỉ liên lạc của cơ quan chủ quản và chủ khoản viện trợ
4. Thời gian dự kiến thực hiện viện trợ
5. Địa điểm thực hiện

II. BỐI CẢNH VÀ SỰ CẦN THIẾT

1. Cơ sở pháp lý
2. Bối cảnh và sự cần thiết tiếp nhận viện trợ

III. MỤC TIÊU TIẾP NHẬN VIỆN TRỢ

Nêu rõ mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể của khoản viện trợ

IV. MÔ TẢ NỘI DUNG VIỆN TRỢ

Nêu rõ các nội dung viện trợ, hình thức viện trợ, phương thức tiếp nhận viện trợ, phương án phân bổ viện trợ, cơ chế phối hợp giữa các bên trong tiếp nhận viện trợ,...

V. ĐỐI TƯỢNG THỤ HƯỞNG

Nêu rõ đối tượng thụ hưởng trực tiếp từ khoản viện trợ

VI. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN KIỂM TRA VÀ ĐÁNH GIÁ

1. Kế hoạch chi tiết việc thực hiện khoản viện trợ
2. Kế hoạch kiểm tra việc thực hiện khoản viện trợ
3. Kế hoạch đánh giá kết quả thực hiện viện trợ

VII. TỔNG VỐN VIỆN TRỢ

1. Tổng vốn viện trợ (nguyên tệ và quy đổi ra đô la Mỹ). Trong đó:
 - Vốn viện trợ không hoàn lại (nguyên tệ và quy đổi ra đô la Mỹ)
 - Vốn đối ứng (VNĐ và quy đổi ra đô la Mỹ). Trong đó:
 - + Hiện vật: tương đương:(VNĐ và quy đổi ra đô la Mỹ)
 - + Tiền mặt:(VNĐ và quy đổi ra đô la Mỹ)

VIII. ĐIỀU KIỆN RÀNG BUỘC CỦA BÊN TÀI TRỢ

Các điều kiện ràng buộc của Bên viện trợ (nếu có)

IX. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA KHOẢN VIỆN TRỢ

Hiệu quả kinh tế - tài chính và hiệu quả xã hội; đánh giá tác động môi trường, các rủi ro sau khi kết thúc khoản viện trợ.

3. Tên thủ tục hành chính: Cấp phép đối với các hoạt động liên quan đến đê điều thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

3.1. Trình tự thực hiện

- Bước 1. Nộp hồ sơ

Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ tới Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xin cấp phép cho những hoạt động liên quan đến đê điều quy định tại khoản 1 Điều 25 Luật Đê điều bao gồm:

- + Cắt xẻ đê để xây dựng công trình trong phạm vi bảo vệ đê điều;
- + Khoan, đào trong phạm vi bảo vệ đê điều;
- + Xây dựng công qua đê; xây dựng công trình đặc biệt trong phạm vi bảo vệ đê điều, bãi sông, lòng sông;
- + Xây dựng công trình ngầm; khoan, đào để khai thác nước ngầm trong phạm vi 1 kilômét tính từ biên ngoài của phạm vi bảo vệ đê điều;
- + Sử dụng đê, kè bảo vệ đê, công qua đê làm nơi neo đậu tàu, thuyền, bè, mảng;
- + Khai thác đất, đá, cát, sỏi, khoáng sản khác ở lòng sông;
- + Để vật liệu, khai thác đất, đá, cát, sỏi, khoáng sản khác, đào ao, giếng ở bãi sông;
- + Nạo vét luồng lạch trong phạm vi bảo vệ đê điều.

- Bước 2: Tiếp nhận hồ sơ

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm xem xét tính hợp lệ, hợp pháp của hồ sơ xin cấp giấy phép.

- Bước 3: Xem xét, quyết định cấp phép

Căn cứ vào quy chuẩn kỹ thuật về đê điều, quy chuẩn kỹ thuật xây dựng do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy phép hoặc trả lời bằng văn bản đối với những trường hợp chưa đủ điều kiện để cấp giấy phép hoặc không cấp giấy phép.

(Trình tự thực hiện cụ thể do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định).

3.2. Cách thức thực hiện: Do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định

3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ: Do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định

3.4. Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn không quá 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

3.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân

3.6. Cơ quan giải quyết TTHC: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

3.7. Kết quả thực hiện TTHC: Cấp giấy phép, không cấp giấy phép đối với các hoạt động liên quan đến đê điều hoặc văn bản đối với trường hợp chưa đủ điều kiện để cấp giấy phép

3.8. Phí, lệ phí: Không quy định

3.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định

3.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có): Do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định.

3.11. Căn cứ pháp lý của TTHC

- Luật Đề điều ngày 29 tháng 11 năm 2006;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đề điều ngày 17 tháng 6 năm 2020.

C- THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

1. Tên thủ tục hành chính: Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội.

1.1. Trình tự thực hiện

- Bước 1: Người tham gia lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã hoặc người đại diện hợp pháp lập 01 bộ hồ sơ gửi Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Bước 2: Ủy ban nhân dân cấp xã trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp; trả lời trong 01 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường điện tử hoặc qua dịch vụ bưu chính bằng văn bản.

- Bước 3: Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định hỗ trợ kinh phí khám bệnh, chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho người tham gia lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã; trường hợp không hỗ trợ thì có ngay văn bản thông báo và nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân.

- Bước 4: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày có quyết định hỗ trợ, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thực hiện chi trả chi phí khám chữa bệnh, tiền trợ cấp cho đối tượng được hưởng; việc chi trả bằng hình thức chuyển khoản hoặc qua đường bưu chính hoặc trực tiếp nhận ở cấp xã.

1.2. Cách thức thực hiện: trực tiếp hoặc qua môi trường điện tử hoặc qua dịch vụ bưu chính.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Trường hợp hỗ trợ khám chữa bệnh

Người tham gia lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã hoặc người đại diện hợp pháp gửi hồ sơ về Ủy ban nhân dân cấp xã, thành phần hồ sơ bao gồm:

- Đơn đề nghị thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh theo mẫu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ. Trong đó thay thế cụm từ “Số Chứng minh nhân dân (Căn cước công dân)” bằng cụm từ “Số Căn cước công dân/Căn cước” và bãi bỏ cụm từ “Địa chỉ thường trú”

- Phiếu xét nghiệm, đơn thuốc, hóa đơn thu tiền, giấy ra viện.

b) Trường hợp trợ cấp tai nạn

Người tham gia lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã hoặc người đại diện hợp pháp gửi hồ sơ về UBND cấp xã, thành phần hồ sơ bao gồm:

- Đơn đề nghị trợ cấp tai nạn theo mẫu quy định tại Phụ lục II Nghị định số 53/2026/NĐ-CP ngày 05/02/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực đề điều và phòng, chống thiên tai.

- Giấy ra viện;
- Trích sao hồ sơ bệnh án hoặc bản sao giấy chứng nhận thương tích do cơ sở y tế nơi đã cấp cứu, điều trị;
- Biên bản điều tra của cơ quan công an (trường hợp bị tai nạn giao thông).

c) Số lượng: 01 bộ.

1.4. Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.

1.5. Đối tượng thực hiện TTHC: cá nhân

1.6. Cơ quan giải quyết TTHC: Ủy ban nhân dân cấp xã

1.7. Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định hỗ trợ chi phí khám bệnh, chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho đối tượng được hưởng.

1.8. Phí, lệ phí: Không

1.9. Tên mẫu đơn, tờ khai:

- Đơn đề nghị thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh
- Đơn đề nghị trợ cấp tai nạn, tiền tuất.

1.10. Điều kiện thực hiện TTHC:

- Người tham gia lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã bị ốm đau, tai nạn, bị thương trong thời gian thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống thiên tai, tham gia huấn luyện, diễn tập phòng chống thiên tai và các nhiệm vụ khác theo sự điều động của cấp có thẩm quyền.

- Trường hợp bị ốm đau, bị tai nạn do cố ý tự hủy hoại sức khỏe của bản thân, sử dụng các chất kích thích, chất ma túy, chất gây nghiện thì không được hưởng chế độ theo quy định.

1.11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật đê điều.

- Điều 13, khoản 11 Điều 14, khoản 6 Điều 15 Nghị định số 53/2026/NĐ-CP của Chính phủ ngày 05/02/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực đê điều và phòng, chống thiên tai.

Phụ lục**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

(kèm theo Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 53/2026/NĐ-CP ngày 05/02/2026 của Chính phủ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ**Thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh**

Kính gửi:(1)

Họ và tên người đề nghị:(2)

Số điện thoại:

Số Căn cước công dân/Căn cước:

Số tài khoản:

(Trình bày tóm tắt lý do, thời gian, nơi khám bệnh, chữa bệnh...)

Căn cứ quy định của pháp luật, tôi xin đề nghị được thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh cho (3)

Số tiền đề nghị thanh toán là:đồng.

Bằng chữ

Xin gửi kèm theo Đơn này: Phiếu xét nghiệm; đơn thuốc; hóa đơn thu tiền; giấy ra viện.

Kính đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

Tôi xin trân trọng cảm ơn!

.... (4) ngày.... tháng.... năm.....

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(Ký, ghi rõ họ tên)

(1) Gửi Ủy ban nhân dân cấp xã.

(2) Trường hợp xung kích cấp xã trực tiếp viết đơn phải ghi rõ đội, tổ xung kích; trường hợp người đại diện hợp pháp của xung kích viết đơn, phải ghi rõ quan hệ với xung kích và đội, tổ của xung kích được hưởng chính sách.

(3) Đối tượng thụ hưởng chính sách.

(4) Địa danh.

Phụ lục II

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ TRỢ CẤP TAI NẠN, TIỀN TUẤT
(Kèm theo Nghị định số 53/2026/NĐ-CP ngày 05/02/2026 của Chính phủ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Trợ cấp tai nạn, tiền tuất

Kính gửi:(1)

Họ và tên người đề nghị:(2)

Số điện thoại:(3).....

Số Căn cước công dân/Căn cước:

Số tài khoản:

(Trình bày tóm tắt lý do, thời gian, nơi bị tai nạn hoặc chết)

Căn cứ quy định của pháp luật, tôi xin đề nghị được thanh toán trợ cấp tai nạn (tiền tuất) cho (4)

Số tiền đề nghị thanh toán là: đồng.

Bằng chữ

Xin gửi kèm theo Đơn này:(5) hoặc (6).....

Kính đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

Tôi xin trân trọng cảm ơn!

.... (7), ngày.... tháng.... năm.....

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(Ký, ghi rõ họ tên)

(1) Gửi Ủy ban nhân dân cấp xã.

(2) Trường hợp xung kích cấp xã trực tiếp viết đơn phải ghi rõ đội, tổ xung kích; trường hợp người đại diện hợp pháp của xung kích viết đơn, phải ghi rõ quan hệ với xung kích và đội, tổ của xung kích được hưởng chính sách.

(3) Số điện thoại của người đề nghị.

(4) Đối tượng thụ hưởng chính sách.

(5) Trường hợp trợ cấp tai nạn: Giấy ra viện; Trích sao hồ sơ bệnh án hoặc bản sao Giấy chứng nhận thương tích do cơ sở y tế nơi đã cấp cứu, điều trị; Biên bản giám định mức suy giảm khả năng lao động của hội đồng giám định y khoa bệnh viện cấp tỉnh và tương đương trở lên trong trường hợp tai nạn làm suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên; Biên bản điều tra của cơ quan công an (trường hợp bị tai nạn giao thông).

(6) Trường hợp trợ cấp tử tuất: Giấy ra viện hoặc Trích sao hồ sơ bệnh án hoặc Giấy báo tử hoặc cung cấp số, ký hiệu của Giấy chứng tử hoặc Trích lục khai tử trong đơn đề nghị (đối với Giấy chứng tử, Trích lục khai tử, nơi tiếp nhận hồ sơ sử dụng dữ liệu tương ứng có trong cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử); Biên bản điều tra của cơ quan công an (trường hợp bị tai nạn giao thông dẫn đến chết).

(7) Địa danh.

2.. Tên thủ tục hành chính: Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội.

2.1. Trình tự thực hiện

- Bước 1: Người đại diện hợp pháp của người tham gia lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã lập 01 bộ hồ sơ gửi đến Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Bước 2: Ủy ban nhân dân cấp xã trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp; trả lời trong 01 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường điện tử hoặc qua dịch vụ bưu chính bằng văn bản.

- Bước 3: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Bước 4: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định trợ cấp tai nạn, bị chết cho người tham gia lực lượng xung kích; trường hợp không hỗ trợ thì có ngay văn bản thông báo và nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân.

- Bước 5: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày có quyết định trợ cấp, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thực hiện chi trả tiền trợ cấp cho đối tượng được hưởng. Việc chi trả bằng hình thức chuyển khoản hoặc qua đường bưu chính hoặc trực tiếp nhận ở cấp xã.

2.2. Cách thức thực hiện: trực tiếp hoặc môi trường điện tử hoặc qua dịch vụ bưu chính.

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên

- Thành phần hồ sơ của người tham gia lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã hoặc người đại diện hợp pháp gửi hồ sơ về UBND cấp xã bao gồm:

+ Đơn đề nghị trợ cấp tai nạn theo mẫu quy định tại Phụ lục II Nghị định số 53/2026/NĐ-CP ngày 05/02/2026.

+ Giấy ra viện;

+ Trích sao hồ sơ bệnh án hoặc bản sao giấy chứng nhận thương tích do cơ sở y tế nơi đã cấp cứu, điều trị;

+ Biên bản giám định mức suy giảm khả năng lao động của hội đồng giám định y khoa bệnh viện cấp tỉnh và tương đương trở lên;

+ Biên bản điều tra của cơ quan công an (trường hợp bị tai nạn giao thông).

- Thành phần hồ sơ của UBND cấp xã lập gửi UBND cấp tỉnh bao gồm:

+ Tờ trình;

+ Hồ sơ hợp lệ của người tham gia lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã hoặc người đại diện hợp pháp gửi UBND cấp xã.

b) Trường hợp trợ cấp tiền tuất:

- Thành phần hồ sơ của người đại diện hợp pháp của người tham gia lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã gửi hồ sơ về UBND cấp xã bao gồm:

+ Đơn đề nghị trợ cấp tiền tuất theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 53/2026/NĐ-CP ngày 05/02/2026 của Chính phủ

+ Giấy ra viện hoặc trích sao hồ sơ bệnh án hoặc Giấy báo tử hoặc cung cấp số, kí hiệu của giấy chứng tử hoặc trích lục khai tử trong đơn đề nghị (đối với giấy chứng tử, trích lục khai tử, nơi tiếp nhận hồ sơ sử dụng dữ liệu tương ứng có trong cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử);

+ Biên bản điều tra của cơ quan công an (trường hợp bị tai nạn giao thông dẫn đến chết).

- Thành phần hồ sơ của UBND cấp xã lập gửi UBND cấp tỉnh bao gồm:

+ Tờ trình;

+ Hồ sơ hợp lệ của người đại diện hợp pháp của người tham gia lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã gửi UBND cấp xã.

c) Số lượng: 01 bộ.

2.4. Thời hạn giải quyết: 13 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.

2.5. Đối tượng thực hiện TTHC: cá nhân

2.6. Cơ quan giải quyết TTHC:

- Cơ quan thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp xã;

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định trợ cấp tai nạn, tiền tuất cho đối tượng được trợ cấp.

2.7. Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định trợ cấp tai nạn, tiền tuất cho đối tượng được trợ cấp.

2.8. Phí, lệ phí: Không.

2.9. Tên mẫu đơn, tờ khai:

Đơn đề nghị trợ cấp tai nạn, tiền tuất

2.10. Điều kiện thực hiện TTHC:

- Người tham gia lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã bị ốm đau, tai nạn, bị thương, bị chết trong thời gian thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống thiên tai, tham gia huấn luyện, diễn tập phòng chống thiên tai và các nhiệm vụ khác theo sự điều động của cấp có thẩm quyền.

- Trường hợp bị ốm đau, bị tai nạn, bị chết do cố ý tự hủy hoại sức khỏe của bản thân, sử dụng các chất kích thích, chất ma túy, chất gây nghiện thì không được hưởng chế độ theo quy định.

2.11. Căn cứ pháp lý của TTHC

- Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật đê điều.

- Điều 13 Nghị định số 53/2026/NĐ-CP ngày 05/02/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực đê điều và phòng, chống thiên tai.

Phụ lục II

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ TRỢ CẤP TAI NẠN, TIỀN TUẤT
(Kèm theo Nghị định số 53/2025/NĐ-CP ngày 05/02/2026 của Chính phủ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Trợ cấp tai nạn, tiền tuất

Kính gửi:(1)

Họ và tên người đề nghị:(2)

Số điện thoại:(3).....

Số Căn cước công dân/Căn cước:

Số tài khoản:

(Trình bày tóm tắt lý do, thời gian, nơi bị tai nạn hoặc chết)

Căn cứ quy định của pháp luật, tôi xin đề nghị được thanh toán trợ cấp tai nạn (tiền tuất) cho (4)

Số tiền đề nghị thanh toán là: đồng.

Bằng chữ

Xin gửi kèm theo Đơn này:(5) hoặc (6).....

Kính đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

Tôi xin trân trọng cảm ơn!

.... (7), ngày.... tháng.... năm.....

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(Ký, ghi rõ họ tên)

(1) Gửi Ủy ban nhân dân cấp xã.

(2) Trường hợp xung kích cấp xã trực tiếp viết đơn phải ghi rõ đội, tổ xung kích; trường hợp người đại diện hợp pháp của xung kích viết đơn, phải ghi rõ quan hệ với xung kích và đội, tổ của xung kích được hưởng chính sách.

(3) Số điện thoại của người đề nghị.

(4) Đối tượng thụ hưởng chính sách.

(5) Trường hợp trợ cấp tai nạn: Giấy ra viện; Trích sao hồ sơ bệnh án hoặc bản sao Giấy chứng nhận thương tích do cơ sở y tế nơi đã cấp cứu, điều trị; Biên bản giám định mức suy giảm khả năng lao động của hội đồng giám định y khoa bệnh viện cấp tỉnh và tương đương trở lên trong trường hợp tai nạn làm suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên; Biên bản điều tra của cơ quan công an (trường hợp bị tai nạn giao thông).

(6) Trường hợp trợ cấp tử tuất: Giấy ra viện hoặc Trích sao hồ sơ bệnh án hoặc Giấy báo tử hoặc cung cấp số, ký hiệu của Giấy chứng tử hoặc Trích lục khai tử trong đơn đề nghị (đối với Giấy chứng tử, Trích lục khai tử, nơi tiếp nhận hồ sơ sử dụng dữ liệu tương ứng có trong cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử); Biên bản điều tra của cơ quan công an (trường hợp bị tai nạn giao thông dẫn đến chết).

(7) Địa danh.